

Số: 54/TB-ĐGKV

Gia Lai, ngày 03 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
(V/v đấu giá Quyền sử dụng đất ở)

I. NGƯỜI CÓ TÀI SẢN ĐẤU GIÁ.

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH GIA LAI

Địa chỉ: Số 210 Diên Hồng, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

II. TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN.

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH KIỀU VIỆT.

Địa chỉ: Lô 01 Võ Duy Dương, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

Công ty Đấu giá hợp danh Kiều Việt tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở còn lại tại Khu TĐC phục vụ dự án Tuyến Quốc lộ 19 trên địa bàn xã Phước Lộc (thôn Phong Tấn); Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới (khu vực 1, xã Phước Lộc cũ), xã Tuy Phước và KDC sau trường tiểu học số 1 thuộc thôn Lục Lễ, xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

1. Phiên đấu giá tổ chức:

- Vào lúc **08h30' Thứ Năm, ngày 23/7/2026.**

- Địa điểm tổ chức phiên đấu giá: Công ty Đấu giá hợp danh Kiều Việt; Địa chỉ: Lô 01 đường Võ Duy Dương, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
Khu vực 1, Khu dân cư dọc QL19 xã Tuy Phước								
Khu TĐC-01								
1	Lô số 1 (Lô góc)	170.40	Đường ĐS2 và Đường ĐS13	20 và 14	1.545.868.800	309.174.000	47.000.000	200.000
2	Lô số 9 (Lô góc)	177.80	Đường ĐS2 và Đường ĐS15	20 và 16	1.613.001.600	322.601.000	49.000.000	200.000
3	Lô số 10	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
4	Lô số 12	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
5	Lô số 13	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
6	Lô số 14	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
7	Lô số 15	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
8	Lô số 16	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
9	Lô số 18	125.00	Đường ĐS13	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
10	Lô số 19	125.00	Đường ĐS13	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
11	Lô số 20	125.00	Đường ĐS13	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
12	Lô số 21	125.00	Đường ĐS13	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
13	Lô số 22	125.00	Đường ĐS13	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
14	Lô số 23	125.00	Đường ĐS13	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
15	Lô số 24	125.00	Đường ĐS13	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
16	Lô số 25	125.00	Đường ĐS13	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
Khu TĐC-02								
1	Lô số 1 (Lô góc)	181.90	Đường ĐS2 và Đường ĐS15	20 và 16	1.650.196.800	330.040.000	50.000.000	200.000
2	Lô số 2	130.30	Đường ĐS2	20	985.068.000	197.014.000	30.000.000	100.000
3	Lô số 3	130.90	Đường ĐS2	20	989.604.000	197.921.000	30.000.000	100.000
4	Lô số 4	131.50	Đường ĐS2	20	994.140.000	198.828.000	30.000.000	100.000
5	Lô số 5	132.10	Đường ĐS2	20	998.676.000	199.736.000	30.000.000	100.000
6	Lô số 6	132.70	Đường ĐS2	20	1.003.212.000	200.643.000	31.000.000	200.000
7	Lô số 7	133.30	Đường ĐS2	20	1.007.748.000	201.550.000	31.000.000	200.000
8	Lô số 8	133.80	Đường ĐS2	20	1.011.528.000	202.306.000	31.000.000	200.000
9	Lô số 10	125.00	Đường ĐS17	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
10	Lô số 18	125.00	Đường ĐS17	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
11	Lô số 19	125.00	Đường ĐS17	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
12	Lô số 25 (Lô góc)	159.80	Đường ĐS16 và Đường ĐS17	14 và 14	1.208.088.000	241.618.000	37.000.000	200.000
13	Lô số 27	114.10	Đường ĐS16	14	718.830.000	143.766.000	22.000.000	100.000
14	Lô số 30	117.10	Đường ĐS16	14	737.730.000	147.546.000	23.000.000	100.000
15	Lô số 34	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
16	Lô số 35	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
17	Lô số 36	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
18	Lô số 38	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
19	Lô số 39	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
20	Lô số 40	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
21	Lô số 41	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
22	Lô số 42	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
23	Lô số 43	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
24	Lô số 44	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
25	Lô số 45	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
26	Lô số 46	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
27	Lô số 47	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
28	Lô số 48	125.00	Đường ĐS15	16	867.000.000	173.400.000	27.000.000	100.000
Khu TĐC-04								
1	Lô số 1 (Lô góc)	166.90	Đường ĐS2 và Đường ĐS18	20 và 14	1.514.116.800	302.824.000	46.000.000	200.000
2	Lô số 2	120.30	Đường ĐS2	20	909.468.000	181.894.000	28.000.000	100.000
3	Lô số 3	120.90	Đường ĐS2	20	914.004.000	182.801.000	28.000.000	100.000
4	Lô số 4	121.50	Đường ĐS2	20	918.540.000	183.708.000	28.000.000	100.000
5	Lô số 5	122.00	Đường ĐS2	20	922.320.000	184.464.000	28.000.000	100.000
6	Lô số 6	122.60	Đường ĐS2	20	926.856.000	185.372.000	28.000.000	100.000
7	Lô số 7	123.20	Đường ĐS2	20	931.392.000	186.279.000	28.000.000	100.000
8	Lô số 8	123.80	Đường ĐS2	20	935.928.000	187.186.000	29.000.000	100.000
9	Lô số 9 (Lô góc)	174.30	Đường ĐS2 và Đường ĐS19	20 và 14	1.581.249.600	316.250.000	48.000.000	200.000
10	Lô số 11	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
11	Lô số 12	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
12	Lô số 13	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
13	Lô số 14	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
14	Lô số 15	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
15	Lô số 16	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
16	Lô số 17	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
17	Lô số 18	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
18	Lô số 19	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
19	Lô số 20	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
20	Lô số 21	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
21	Lô số 22	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
22	Lô số 23	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
23	Lô số 24	125.00	Đường ĐS19	14	787.500.000	157.500.000	24.000.000	100.000
24	Lô số 25 (Lô góc)	158.40	Đường ĐS19 và Đường ĐS16	14 và 14	1.197.504.000	239.501.000	36.000.000	200.000
25	Lô số 26	112.20	Đường ĐS16	14	706.860.000	141.372.000	22.000.000	100.000
26	Lô số 27	113.20	Đường ĐS16	14	713.160.000	142.632.000	22.000.000	100.000
27	Lô số 28	114.20	Đường ĐS16	14	719.460.000	143.892.000	22.000.000	100.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
28	Lô số 29	115.20	Đường ĐS16	14	725.760.000	145.152.000	22.000.000	100.000
29	Lô số 30	116.20	Đường ĐS16	14	732.060.000	146.412.000	22.000.000	100.000
30	Lô số 31	117.20	Đường ĐS16	14	738.360.000	147.672.000	23.000.000	100.000
31	Lô số 32	118.20	Đường ĐS16	14	744.660.000	148.932.000	23.000.000	100.000
32	Lô số 33 (Lô góc)	171.30	Đường ĐS18 và Đường ĐS16	14 và 14	1.295.028.000	259.006.000	39.000.000	200.000
33	Lô số 34	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
34	Lô số 35	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
35	Lô số 36	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
36	Lô số 37	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
37	Lô số 38	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
38	Lô số 39	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
39	Lô số 40	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
40	Lô số 41	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
41	Lô số 42	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
42	Lô số 43	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
43	Lô số 44	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
44	Lô số 45	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
45	Lô số 46	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
46	Lô số 47	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
47	Lô số 48	125.00	Đường ĐS18	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
Khu TĐC-05								
1	Lô số 1 (Lô góc)	189.60	Đường ĐS2 và Đường ĐS20	20 và 14	1.720.051.200	344.011.000	52.000.000	200.000
2	Lô số 2	180.40	Đường ĐS2	20	1.363.824.000	272.765.000	41.000.000	200.000
3	Lô số 3	187.20	Đường ĐS2	20	1.415.232.000	283.047.000	43.000.000	200.000
4	Lô số 4	193.90	Đường ĐS2	20	1.465.884.000	293.177.000	44.000.000	200.000
5	Lô số 5	170.70	Đường ĐS2	20	1.290.492.000	258.099.000	39.000.000	200.000
6	Lô số 6	177.50	Đường ĐS2	20	1.341.900.000	268.380.000	41.000.000	200.000
7	Lô số 7	184.30	Đường ĐS2	20	1.393.308.000	278.662.000	42.000.000	200.000
8	Lô số 8 (Lô góc)	211.30	Đường ĐS2 và Đường ĐS21	20 và 14	1.916.913.600	383.383.000	58.000.000	200.000
9	Lô số 9	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
10	Lô số 10	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
11	Lô số 11	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
12	Lô số 12	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
13	Lô số 14	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
14	Lô số 15	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
15	Lô số 16	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
16	Lô số 17	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
17	Lô số 18	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
18	Lô số 19	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
19	Lô số 20	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
20	Lô số 21	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
21	Lô số 22	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
22	Lô số 23	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
23	Lô số 24	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
24	Lô số 25	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
25	Lô số 26	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
26	Lô số 27	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
27	Lô số 28	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
28	Lô số 29	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
29	Lô số 30	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
30	Lô số 31	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
31	Lô số 32	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
32	Lô số 33	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
33	Lô số 34	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
34	Lô số 35	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
35	Lô số 36	125.00	Đường ĐS21	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
36	Lô số 37 (Lô góc)	200.00	Đường ĐS4 và Đường ĐS21	26 và 14	2.358.720.000	471.744.000	48.000.000	200.000
37	Lô số 38	188.40	Đường ĐS4	14	1.851.595.200	370.320.000	56.000.000	200.000
38	Lô số 39	189.80	Đường ĐS4	14	1.865.354.400	373.071.000	56.000.000	200.000
39	Lô số 40	191.30	Đường ĐS4	14	1.880.096.400	376.020.000	57.000.000	200.000
40	Lô số 41	192.80	Đường ĐS4	14	1.894.838.400	378.968.000	57.000.000	200.000
41	Lô số 42	194.20	Đường ĐS4	14	1.908.597.600	381.720.000	58.000.000	200.000
42	Lô số 43	195.70	Đường ĐS4	14	1.923.339.600	384.668.000	58.000.000	200.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
43	Lô số 44 (Lô góc)	212.20	Đường ĐS4 và Đường ĐS20	26 và 14	2.502.601.920	500.521.000	51.000.000	200.000
44	Lô số 45	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
45	Lô số 46	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
46	Lô số 47	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
47	Lô số 48	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
48	Lô số 49	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
49	Lô số 50	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
50	Lô số 51	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
51	Lô số 52	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
52	Lô số 53	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
53	Lô số 54	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
54	Lô số 55	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
55	Lô số 56	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
56	Lô số 57	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
57	Lô số 58	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
58	Lô số 59	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
59	Lô số 60	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
60	Lô số 61	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
61	Lô số 62	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
62	Lô số 63	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
63	Lô số 64	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
64	Lô số 65	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
65	Lô số 66	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
66	Lô số 67	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
67	Lô số 68	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
68	Lô số 69	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
69	Lô số 70	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
70	Lô số 71	125.00	Đường ĐS20	14	709.500.000	141.900.000	22.000.000	100.000
Khu ĐC phục vụ dự án Tuyến đường QL19 trên địa bàn xã Tuy Phước								
1	Lô số 25 - KHU DC1	142.70	Đường ĐS2	14	1.284.300.000	256.860.000	39.000.000	200.000
2	Lô số 9đ - KHU DC2	180.00	Đường ĐS4	16	1.710.000.000	342.000.000	52.000.000	200.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tên đường	Lộ giới (m)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Tiền hồ sơ mời tham gia đấu giá (đồng)
3	Lô số 1 - KHU DC7	158.50	Đường ĐS2	14	1.426.500.000	285.300.000	43.000.000	200.000
Khu ODT-LK04 (KDC tại xã Tuy Phước)								
1	Lô số 34	100.00	Đường ĐS4	16.5	830.000.000	166.000.000	25.000.000	100.000
2	Lô số 35	100.00	Đường ĐS4	16.5	830.000.000	166.000.000	25.000.000	100.000
Khu TĐC thuộc thôn Lục Lễ, xã Tuy Phước Bắc								
1	NO-03-11 - KHU NO-03	153.09	Đường D2	13	1.045.604.700	209.121.000	32.000.000	200.000

2. Thời gian và địa điểm xem tài sản: Trong giờ hành chính liên tục kể từ ngày niêm yết đến trước ngày mở phiên đấu giá, tại nơi tài sản tọa lạc.

- Địa điểm xem tài sản: Khu TĐC phục vụ dự án Tuyến Quốc lộ 19 trên địa bàn xã Phước Lộc (thôn Phong Tấn); Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 mới (khu vực 1, xã Phước Lộc cũ), xã Tuy Phước và KDC sau trường tiểu học số 1 thuộc thôn Lục Lễ, xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai.

- Địa điểm xem giấy tờ liên quan đến tài sản: tại Công ty Đấu giá hợp danh Kiều Việt, địa chỉ: lô 01 Võ Duy Dương, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

* Công ty Đấu giá Hợp danh Kiều Việt không chịu trách nhiệm đối với trường hợp người tham gia đấu giá không xem thực tế tài sản mà vẫn nộp hồ sơ và tiền đặt trước đăng ký tham gia đấu giá.

3. Thời gian và địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá:

Tại trụ sở Công ty Đấu giá hợp danh Kiều Việt; Địa chỉ: Lô 01 đường Võ Duy Dương, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai: trong giờ hành chính, liên tục từ 08h00' ngày 03/7/2026 đến 16h30' ngày 20/7/2026 (Thứ Hai).

4. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: Mức thu tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá theo Thông tư 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

5. Tiền đặt trước:

- Tiền đặt trước: Nộp riêng theo từng lô đất đấu giá và số tiền đặt trước theo thông báo của Công ty.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ ngày thông báo đến 16h30 trước ngày mở phiên đấu giá 02 ngày làm việc.

- Nộp vào một trong các tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Kiều Việt:

+ Tài khoản số: 0051000445566 tại Vietcombank - Chi nhánh Bình Định.

+ Tài khoản số: 1144686868. tại Vietcombank - Chi nhánh KCN Phú Tài.

+ Tài khoản số: 117002855792 tại Vietinbank - Chi nhánh KCN Phú Tài.

+ Tài khoản số: 5589937979 tại BIDV – Chi nhánh Quy Nhơn.

+ Tài khoản số: 4300000889889 tại Agribank- Chi nhánh Bình Định.

- Nội dung nộp tiền đặt trước: *Họ và tên khách hàng nộp tiền đấu giá đất Tuy Phước.*

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A nộp tiền đấu giá đất Tuy Phước.

6. Đối tượng tham gia đấu giá và hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:

- Đối tượng tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá là cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2024, có nhu cầu mua đất để xây dựng nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Người đăng ký tham gia đấu giá (khách hàng) nộp một bộ hồ sơ đấu giá quy định tại điều này cán bộ tiếp nhận hồ sơ tại Công ty đấu giá hợp danh Kiều Việt trước ngày, giờ hết hạn đăng ký tham gia đấu giá và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá gồm:

+ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu do Công ty phát hành trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch được phê duyệt; thực hiện đầy đủ, kịp thời về trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất và các khoản nghĩa vụ tài chính khác có liên quan theo quy định.

+ Phiếu trả giá theo mẫu do Công ty phát hành;

+ 01 Bản photo CCCD (căn cước điện tử trên VNeID);

+ 01 bản chứng từ nộp tiền đặt trước (trường hợp chuyển tiền bằng Internet Banking thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện đầy đủ họ tên của người tham gia đấu giá).

+ Nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá do Công ty xác nhận (nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản).

Lưu ý:

- Khi mua hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá cung cấp cho tổ chức hành nghề đấu giá bản sao CCCD (căn cước điện tử trên VNeID) để lập hóa đơn bán hồ sơ mời tham gia đấu giá theo quy định tại Khoản 4, Điều 7 tại Thông tư 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025.

- Cá nhân tham gia đấu giá phải là người đứng tên đăng ký đấu giá quyền sử dụng đất, nếu người khác tham gia đấu giá thay thì phải có ủy quyền của người đăng ký tham gia đấu giá. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản có cơ quan công chứng xác nhận.

- Khi đi dự đấu giá mang theo giấy CCCD hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để kiểm tra trước khi vào phòng đấu giá.

- Người trúng đấu giá trong quá trình sử dụng đất phải tuân thủ các quy định, cụ thể: Bố trí nhà ở liên kế với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo các chỉ tiêu, quy định về quy hoạch - kiến trúc, chỉ giới xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá

- Hình thức đấu giá: Kết hợp hai hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp và đấu giá bỏ phiếu trực tiếp cuộc đấu giá.

- Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

* Khách hàng cần biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ tại:

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH KIỀU VIỆT

Địa chỉ: Lô 01 Võ Duy Dương, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 0256.3502279 – 0772739123

Nơi nhận:

- Niêm yết tại Trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Kiều Việt;
- Niêm yết tại Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Gia Lai;
- Niêm yết UBND xã Tuy Phước và xã Tuy Phước Bắc - Nơi có tài sản;
- Công Đấu giá tài sản quốc gia của Bộ Tư pháp;
- Trang thông tin điện tử về tài sản công của Bộ Tài chính;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai;
- Lưu: HS, VT.

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ái Trang